SAO Y; Bộ Nội vụ; Thời gian ký: 2026-11-02T16:50:15+07:00

| BỘ NỘI VỤ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 29 /2026/TT-BNV | *Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026* |

# THÔNG TƯ

**Quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nội vụ và chính quyền địa phương**

*Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15 và Luật số 132/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2021/NĐ-CP và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 276/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;*

*Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nội vụ và chính quyền địa phương.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Thông tư này quy định chi tiết danh mục vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực nội vụ trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nội vụ và thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực nội vụ tại chính quyền địa phương.

**Điều 2. Danh mục vị trí công tác phải thực hiện định kỳ chuyển đổi**

1. Thẩm định nhân sự để trình cấp có thẩm quyền quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

2. Tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thẩm định nhân sự trình cấp có thẩm quyền thay đổi vị trí việc làm và xếp ngạch công chức theo vị trí việc làm; thay đổi vị trí việc làm viên chức, thay đổi bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm đối với viên chức.

3. Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về tổ chức bộ máy, biên chế.

4. Thẩm định các đề án thành lập mới, sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp nhà nước, tổ chức phi chính phủ, hội nghề nghiệp.

5. Thẩm định và công nhận hồ sơ địa giới hành chính các cấp; hồ sơ đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đổi tên đơn vị hành chính; hồ sơ đề án và quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, phường, đặc khu loại đặc biệt.

6. Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ các hội thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.

7. Thẩm định hồ sơ để trình cấp có thẩm quyền quyết định các hình thức thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

8. Phân bổ chỉ tiêu, ngân sách đào tạo, bồi dưỡng.

9. Quản lý, thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

10. Thẩm định hồ sơ người có công; phê duyệt, cấp phát kinh phí ưu đãi đối với người có công.

11. Thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài, cấp giấy phép lao động, cấp lại giấy phép lao động và xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài vào làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

12. Thẩm định và cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

13. Thẩm định và cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; cấp, cấp lại, thu hồi chứng chỉ kiểm định viên kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và hoạt động kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động. Thẩm định hồ sơ chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

14. Thẩm định hồ sơ cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh thông tin, thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hồ sơ đăng ký hợp đồng cung ứng lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

**Điều 3. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác**

1. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc theo quy định tại Điều 2 Thông tư này là từ đủ 03 năm đến 05 năm (không bao gồm thời gian không làm việc thực tế theo quy định).

2. Thời điểm tính thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là thời điểm có hiệu lực thi hành của văn bản điều động, bố trí, phân công nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền theo quy định.

**Điều 4. Trường hợp chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác và chuyển đổi vị trí công tác trong trường hợp đặc biệt**

1. Trường hợp chưa chuyển đổi vị trí công tác thực hiện theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số

điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2021/NĐ-CP và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP.

2. Chuyển đổi vị trí công tác trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 134/2021/NĐ-CP và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP.

**Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2026.

2. Thông tư số 3/2022/TT-BNV ngày 12 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tổ chức cán bộ ở địa phương hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Các trường hợp thuộc danh mục định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Thông tư này đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Thông tư số 3/2022/TT-BNV ngày 12 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quyết định số 1615/QĐ-LĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành danh mục các vị trí công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và danh mục người có chức vụ, quyền hạn không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã sau khi thôi giữ chức vụ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại các văn bản nêu trên. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp tục theo dõi, tính nối tiếp thời gian giữ vị trí công tác trước đó để rà soát định kỳ chuyển đổi theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này.

4. Trường hợp cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định có nội dung khác với quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định mới của cấp có thẩm quyền; trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

**Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền ban hành Quyết định quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thuộc phạm vi quản lý; xây dựng Kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực nội vụ theo phân cấp quản lý; trong đó xác định đối tượng, phạm vi áp

dụng, thẩm quyền quyết định, phương thức chuyển đổi vị trí công tác, các trường hợp chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác, việc chuyển đổi vị trí công tác trong trường hợp đặc biệt, thời hạn thực hiện và trình tự, thủ tục chuyển đổi vị trí công tác theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, giải quyết theo thẩm quyền./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Mạnh Khương**

***Nơi nhận:***
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ; Cổng Thông tin điện tử của Bộ Nội vụ; Cổng pháp luật Việt Nam; Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Nội vụ;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, TCCB.